ADJECTIVE & ADVERB

Adjective ***Tính từ*** ***(từ dùng để tả người, con vật, đồ vật)***		**Adverb** ***Trạng từ*** ***(từ dùng để nói hành động diễn ra như thế nào)***
bad *tệ, dở, không tốt* Ex: My picture is bad	⟶	badly *tệ, dở, không tốt* Ex: She dances badly
quick *nhanh* Ex: The rabbit is quick	⟶	quickly nhanh Ex: You run quickly
slow chậm Ex: The turtle is slow	⟶	slowly chậm Ex: He writes slowly
careful cẩn thận Ex: She is a careful girl	⟶	carefully cẩn thận Ex: She climbs carefully
good tốt Ex: He is a good boy	⟶	well tốt Ex: He swims well

***Note:

- Adjective đứng sau “to be” hoặc trước danh từ.
- Adverb thường đứng sau động từ.

LIVEWORKSHEETS

GRAMMAR

Structure	1. **It is a place where you can + động từ** *(Đó là nơi mà bạn có thể làm việcgì đó)* 2. **Địa điểm + is a place where you can + động từ** (Công viên/hồ nước/..... là nơi bạn có thể làm việc gì đó)
Example	1. **It is a place where you can skate** → Đó là nơi mà bạn có thể trượt patin 2. **A swimming pool is a place where you can swim** → Hồ bơi là nơi bạn có thể bơi

LIVEWORKSHEETS

1. Listen and write your answer

1.1

_____

1.2

_____

1.3

_____

LIVEWORKSHEETS

2. Complete the sentences with the correct word from the box

quickly - slowly - carefully - well - badly - carefully

1. **The rabbit runs _____.**
2. **The turtle walks _____.**
3. **She writes _____. Her notebook is very neat (gọn gàng).**
4. **He swims _____. He is a good swimmer.**
5. **She dances _____. She needs more practice.**
6. **The boy climbs _____. He is very safe.**

LIVEWORKSHEETS